TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2011 - 2012

BẬC CAO ĐẲNG - KHÓA 2009 - LỚP: C09_MT1TD

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		TÊN LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ							ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY	KẾT QUẢ HỌC KỲ 111			XẾT CHUNG			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ
					091	092	093	101	102	103	111				HỌC TẬP	ĐKMH	HỌC PHÍ	HỌC TẬP	ĐKMH	HỌC PHÍ	
1	CD90900844	Đỗ Thị Minh	Nguyệt	C09_MT1TD	7.17	6.39		6.05	5.38		6.76	6.35	94	35	BT			BT			
2	CD90811351	Hoàng Thị	Sen	C09_MT1TD							5.39	6.12	82	31	BT			BT			
3	CD90900856	Trần Đình	Thoại	C09_MT1TD	7.00	7.39		6.52	7.19		6.89	7.14	93	34	BT			BT			
4	CD90900898	Bùi Thị	Thủy	C09_MT1TD	4.67	5.30		6.26	4.89		5.19	5.62	79	30	BT			BT			
5	CD90900859	Trần Ngọc Như	Thủy	C09_MT1TD	7.33	7.00		6.64	6.50		7.00	6.90	96	36	BT			BT			
6	CD90900867	Nguyễn Ngọc Uyển	Vy	C09_MT1TD	7.67	7.57		6.75	6.31		6.47	7.00	94	35	BT			BT			

Lưu ý: Học phí và Điểm trung bình được tính đến ngày 12/03/2012

Qui ước:

No_HP : Nợ học phí học kỳ
No_HP1 : Nợ học phí học kỳ + học kỳ hè
No_HP2 : Nợ học phí học lại
No_HP3 : Nợ học phí học kỳ hè

CCHV_1 : Cảnh cáo học vụ lần 1
CCHV_2 : Cảnh cáo học vụ lần 2
CCHV_3 : Cảnh cáo học vụ lần 3
CCHV_4 : Cảnh cáo học vụ lần 4

Ko_DKMH : Không đăng ký môn học
TAMDUNG : Sinh viên xin tạm dừng học
BT : Kết quả học tập bình thường

BTD : Buộc tạm dừng học
BTH : Buộc thôi học

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2012

NGƯỜI LẬP BẢNG

NGUYỄN THỊ MINH TRÚC

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

THS. LÊ THỊ NGỌC PHƯỢNG

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

GS. TS. ĐÀO VĂN LƯỢNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2011 - 2012

BẬC CAO ĐẲNG - KHÓA 2009 - LỚP: C09_MT2TT

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		TÊN LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ							ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY	KẾT QUẢ HỌC KỲ 111			XÉT CHUNG			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ
					091	092	093	101	102	103	111				HỌC TẬP	ĐKMH	HỌC PHÍ	HỌC TẬP	ĐKMH	HỌC PHÍ	
1	CD90900872	Đoàn Linh	Chi	C09_MT2TT	5.89	5.22		5.32	4.89		2.20	5.39	59	22	CCHV_1			CCHV_1			Cảnh cáo vì học lực
2	CD90800090	Phan Thị	Hà	C09_MT2TT				2.76	5.42		3.63	4.79	64	24	BT		No_HP2	BT		CC_HPHI	Cảnh cáo vì học phí
3	CD90900835	Nguyễn Thị	Loan	C09_MT2TT	6.78	6.43		6.80	6.81		6.53	6.66	92	34	BT			BT			
4	CD90900886	Nguyễn Vương Thủy	Ngân	C09_MT2TT	6.89	6.39		6.47	7.00		6.55	6.69	93	34	BT			BT			
5	CD90900887	Nguyễn Khánh	Ngọc	C09_MT2TT	5.94	7.09		6.73	6.56		4.95	6.56	85	32	BT			BT			
6	CD90900893	Dương Thị Thu	Thảo	C09_MT2TT	7.44	6.61		6.29	6.44		4.74	6.37	86	32	BT			BT			
7	CD90802633	Lê Thị Đan	Thủy	C09_MT2TT	5.09	5.30		6.00	6.44		6.17	6.18	90	34	BT			BT			
8	CD90900901	Huỳnh Thị Thu	Trang	C09_MT2TT	6.33	6.43		6.32	6.69		7.22	6.59	85	32	BT			BT			
9	CD90900861	Trần Thị Bích	Trâm	C09_MT2TT	6.83	5.39		6.15	5.19		6.00	5.90	83	31	BT			BT			

Lưu ý: Học phí và Điểm trung bình được tính đến ngày 12/03/2012

Qui ước:

No_HP : Nợ học phí học kỳ
No_HP1 : Nợ học phí học kỳ + học kỳ hè
No_HP2 : Nợ học phí học lại
No_HP3 : Nợ học phí học kỳ hè

CCHV_1 : Cảnh cáo học vụ lần 1
CCHV_2 : Cảnh cáo học vụ lần 2
CCHV_3 : Cảnh cáo học vụ lần 3
CCHV_4 : Cảnh cáo học vụ lần 4

Ko_DKMH : Không đăng ký môn học
TAMDUNG : Sinh viên xin tạm dừng học
BT : Kết quả học tập bình thường

BTD : Buộc tạm dừng học
BTH : Buộc thôi học

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2012

NGƯỜI LẬP BẢNG

NGUYỄN THỊ MINH TRÚC

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

THS. LÊ THỊ NGỌC PHƯỢNG

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

GS. TS. ĐÀO VĂN LƯỢNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2011 - 2012

BẬC CAO ĐẲNG - KHÓA 2009 - LỚP: C09_MT3DH

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		TÊN LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ							ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY	KẾT QUẢ HỌC KỲ 111			XÉT CHUNG			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ
					091	092	093	101	102	103	111				HỌC TẬP	ĐKMH	HỌC PHÍ	HỌC TẬP	ĐKMH	HỌC PHÍ	
1	CD90900869	Phạm Ngọc Tú	An	C09_MT3DH	7.67	5.70		6.23	6.95		6.00	6.54	92	34	BT			BT			
2	CD90900826	Nguyễn Bảo	Anh	C09_MT3DH	8.28	8.17		7.25	7.61		8.76	8.00	96	36	BT			BT			
3	CD90900871	Hoàng Duy	Bảo	C09_MT3DH	6.06	5.83		5.87	6.76		6.88	6.54	93	35	BT			BT			
4	CD90900831	Huỳnh Thị Thùy	Dương	C09_MT3DH	7.94	5.70		4.92	5.44		7.47	6.36	88	33	BT			BT			
5	CD90900878	Chu Thị	Huyền	C09_MT3DH	7.44	6.43		5.95	6.25		5.67	6.43	90	34	BT			BT			
6	CD90857298	Nguyễn	Khang	C09_MT3DH				6.41	6.50		4.65	5.98	74	28	BT			BT			
7	CD90900834	Nguyễn Thị Thùy	Linh	C09_MT3DH	6.72	7.00		6.40	7.11		6.53	6.83	94	35	BT			BT			
8	CD90900838	Trần Xuân	Mai	C09_MT3DH	8.06	7.78		7.30	7.28		8.12	7.70	96	36	BT			BT			
9	CD90900840	Thân Thị Ngọc	Mỹ	C09_MT3DH	6.28	5.61		4.91	6.06		5.78	5.99	86	32	BT			BT			
10	CD90900842	Nguyễn Thị Nguyệt	Nga	C09_MT3DH	7.17	7.17		6.45	6.00		7.10	6.95	96	36	BT			BT			
11	CD90800284	Nguyễn Thị	Ngọc	C09_MT3DH	4.17	5.47		3.87	5.50		5.30	5.41	79	30	BT			BT			
12	CD90900847	Nguyễn Cẩm	Ny	C09_MT3DH	7.11	7.00		5.25	7.19		7.80	7.04	94	35	BT			BT			
13	CD90900848	Nguyễn Ngọc	Phát	C09_MT3DH	7.78	5.87		6.18	7.25		6.86	6.86	95	35	BT			BT			
14	CD90900849	Lâm Thanh	Sang	C09_MT3DH	6.22	4.78		5.95	6.63		6.10	5.99	88	33	BT			BT			
15	CD90900850	Nguyễn Nhân	Sinh	C09_MT3DH	7.56	6.83		5.95	6.88		5.79	6.65	94	35	BT			BT			
16	CD90900851	Đỗ Thanh	Sương	C09_MT3DH	5.83	4.70		4.00	6.00		6.50	5.90	75	28	BT		No_HP2	BT		CC_HPHI	Cảnh cáo vì học phí
17	CD90900890	Đinh Kim	Tân	C09_MT3DH	5.11	2.48		4.78	5.81		5.68	5.13	69	27	BT			BT			
18	CD90900892	Bùi Thị Phương	Thảo	C09_MT3DH	6.61	6.57		5.91	6.74		6.21	6.52	88	33	BT			BT			
19	CD90900854	Đặng Nga	Thảo	C09_MT3DH	5.83	6.17		6.65	6.56		6.59	6.35	94	35	BT			BT			
20	CD90900894	Ngô Đinh Phương	Thảo	C09_MT3DH	7.00	5.61		5.24	6.11		5.47	6.10	85	32	BT			BT			
21	CD90900896	Hứa Tâm	Thông	C09_MT3DH	7.78	6.17		6.05	6.38		5.92	6.68	85	32	BT			BT			
22	CD90900857	Trương Minh	Thông	C09_MT3DH	0.11	1.78			1.38		0.00	0.91	3	1	DB_CCHV_3		No_HP	DS_CANH BAO_BTH		CC_HPHI	Cảnh cáo buộc thôi học + học phí
23	CD90900899	Nguyễn Hữu T Giao	Tiên	C09_MT3DH	7.22	5.48		6.10	5.63		5.16	5.94	82	30	BT			BT			
24	CD90900862	Nguyễn Thị Huỳnh	Trang	C09_MT3DH	5.61	6.57		4.74	6.00		6.12	5.97	85	32	BT			BT			
25	CD90900902	Lâm Minh	Trung	C09_MT3DH	7.39	6.43		6.24	6.06		7.35	6.70	96	36	BT			BT			
26	CD90900905	Hứa Ngọc	Uyên	C09_MT3DH	7.56	6.70		6.68	6.81		6.94	6.92	96	36	BT			BT			

Lưu ý: Học phí và Điểm trung bình được tính đến ngày 12/03/2012

Qui ước:

No_HP : Nợ học phí học kỳ
No_HP1 : Nợ học phí học kỳ + học kỳ hè
CCHV_1 : Cảnh cáo học vụ lần 1
CCHV_2 : Cảnh cáo học vụ lần 2
Ko_DKMH : Không đăng ký môn học
TAMDUNG : Sinh viên xin tạm dừng học
BTD : Buộc tạm dừng học
BTH : Buộc thôi học

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2011 - 2012

BẬC CAO ĐẲNG - KHÓA 2009 - LỚP: C09_MT3DH

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN	TÊN LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ							ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY	KẾT QUẢ HỌC KỲ 111			XÉT CHUNG			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ
				091	092	093	101	102	103	111				HỌC TẬP	ĐKMH	HỌC PHÍ	HỌC TẬP	ĐKMH	HỌC PHÍ	

No_HP2 : Nợ học phí học lại
No_HP3 : Nợ học phí học kỳ hè
CCHV_3 : Cảnh cáo học vụ lần 3
CCHV_4 : Cảnh cáo học vụ lần 4
BT : Kết quả học tập bình thường

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2012

NGƯỜI LẬP BẢNG

NGUYỄN THỊ MINH TRÚC

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

THS. LÊ THỊ NGỌC PHƯỢNG

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

GS. TS. ĐẢO VĂN LƯỢNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2011 - 2012

BẬC CAO ĐẲNG - KHÓA 2009 - LỚP: C09_MT4NT

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		TÊN LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ							ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY	KẾT QUẢ HỌC KỲ 111			XÉT CHUNG			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ
					091	092	093	101	102	103	111				HỌC TẬP	ĐKMH	HỌC PHÍ	HỌC TẬP	ĐKMH	HỌC PHÍ	
1	CD90900827	Vân Duy	Bảo	C09_MT4NT	8.00	6.65		6.45	6.38		6.10	6.93	84	31	BT			BT			
2	CD90900828	Võ Xuân	Cảnh	C09_MT4NT	7.78	6.61		6.80	6.88		6.33	6.88	92	34	BT			BT			
3	CD90900873	Ngô Thị Thanh	Hằng	C09_MT4NT	6.67	6.70		6.12	6.61		6.58	6.71	92	34	BT			BT			
4	CD90900832	Phạm Phương	Hằng	C09_MT4NT	7.78	6.26		6.91	6.00		5.32	6.56	83	31	BT			BT			
5	CD90900877	Trần Thị Diễm	Hương	C09_MT4NT	7.44	6.39		6.59	5.89		6.04	6.62	94	35	BT			BT			
6	CD90900879	Lâm Gia	Khang	C09_MT4NT	7.50	6.70		6.29	4.78		5.61	6.35	89	33	BT			BT			
7	CD90900880	Vũ Thị Nhã	Khanh	C09_MT4NT	6.89	5.52		5.94	3.76		4.17	5.43	78	28	BT			BT			
8	CD90900836	Nguyễn Thụy Yến	Loan	C09_MT4NT	8.22	6.30		6.70	6.63		6.71	6.95	89	33	BT			BT			
9	CD90900882	Lê Vinh	Lộc	C09_MT4NT	6.94	6.78		7.18	6.83		6.40	6.87	92	34	BT			BT			
10	CD90900837	Vương Tấn	Lộc	C09_MT4NT	6.00	5.91		5.18	6.50		5.05	5.79	76	28	BT			BT			
11	CD90900883	Trần Thị Mỹ	Ly	C09_MT4NT	7.39	5.26		5.47	5.24		1.78	5.09	63	23	CCHV_1		No_HP2	CCHV_1		CC_HPHI	Cảnh cáo vì học lực + học phí
12	CD90900884	Trần Vi	Minh	C09_MT4NT	7.50	6.04		3.95	5.00		5.17	5.84	78	29	BT			BT			
13	CD90900885	Nguyễn Thị Thúy	Nga	C09_MT4NT	5.56	4.87		7.32	4.68		5.24	5.92	86	32	BT			BT			
14	CD90900845	Nguyễn Thị Bích	Nhi	C09_MT4NT	7.28	7.04		6.70	5.69		6.94	6.83	92	34	BT			BT			
15	CD90900846	Hồ Thị ái	Ny	C09_MT4NT	7.22	6.74		6.55	7.06		6.00	6.79	90	33	BT			BT			
16	CD90900888	Ngô Hoàng	Phương	C09_MT4NT	7.94	6.61		6.45	6.69		6.29	6.86	84	31	BT			BT			
17	CD90900852	Trần Đức	Tài	C09_MT4NT	6.33	6.04		6.20	6.00		5.93	6.18	90	33	BT			BT			
18	CD90900853	Phạm Bảo Nhật	Tân	C09_MT4NT	8.22	7.26		7.50	7.44		7.67	7.60	92	34	BT			BT			
19	CD90900891	Trần Văn	Tấn	C09_MT4NT	6.78	6.70		6.55	6.56		6.76	6.74	83	31	BT			BT			
20	CD90900855	Tạ Minh	Thi	C09_MT4NT	5.72	5.70		5.82	6.50		4.94	5.77	84	31	BT			BT			
21	CD90900897	Nguyễn	Thuận	C09_MT4NT	7.44	6.91		7.23	6.19		6.12	6.88	91	34	BT			BT			
22	CD90900858	Nguyễn Trần Hoàng	Thuận	C09_MT4NT	7.39	6.22		6.00	6.44		5.76	6.39	89	33	BT			BT			
23	CD90900860	Nguyễn Bảo	Thy	C09_MT4NT	8.39	6.35		6.25	6.69		7.33	7.21	92	34	BT			BT			
24	CD90803047	Nguyễn Phạm Thanh	Trúc	C09_MT4NT				3.08	1.94		1.47	3.90	47	18	CCHV_3			DS_CANH BAO_BTH			Cảnh cáo buộc thôi học
25	CD90803370	Nguyễn Lê	Trung	C09_MT4NT				2.46	2.89		5.13	4.74	64	24	BT			BT			
26	CD90900864	Võ Quốc	Trung	C09_MT4NT	8.50	6.48		6.25	6.56		6.18	6.84	84	31	BT			BT			
27	CD90900904	Trịnh Minh	Tuấn	C09_MT4NT	6.28	5.43		4.61	5.75		4.56	5.57	75	27	BT			BT			

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG ĐÀO TẠO

KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2011 - 2012

BẬC CAO ĐẲNG - KHÓA 2009 - LỚP: C09_MT4NT

STT	MASV	HỌ VÀ TÊN		TÊN LỚP	ĐIỂM TRUNG BÌNH HỌC KỲ							ĐIỂM TRUNG BÌNH TÍCH LŨY	SỐ TÍN CHỈ TÍCH LŨY	SỐ MÔN HỌC TÍCH LŨY	KẾT QUẢ HỌC KỲ 111			XÉT CHUNG			KẾT QUẢ XỬ LÝ HỌC VỤ
					091	092	093	101	102	103	111				HỌC TẬP	ĐKMH	HỌC PHÍ	HỌC TẬP	ĐKMH	HỌC PHÍ	
28	CD90900865	Ngô Văn	Vang	C09_MT4NT	5.50	5.00		6.00	5.50		4.37	5.67	70	27	BT			BT			
29	CD90900906	Đinh Hoàng Tường	Vi	C09_MT4NT	7.50	7.30		6.82	6.94		7.07	7.13	94	35	BT			BT			
30	CD90900907	Nguyễn Hoàng	Việt	C09_MT4NT	5.72	0.65		3.89	2.44		0.00	2.63	27	10	DB_CCHV_3			DS_CANH BAO_BTH			Cảnh cáo buộc thôi học
31	CD90900908	Nguyễn Anh	Vy	C09_MT4NT	5.72	5.57		5.85	6.19		5.13	6.04	79	29	BT			BT			

Lưu ý: Học phí và Điểm trung bình được tính đến ngày 12/03/2012

Qui ước:

No_HP : Nợ học phí học kỳ
No_HP1 : Nợ học phí học kỳ + học kỳ hè
No_HP2 : Nợ học phí học lại
No_HP3 : Nợ học phí học kỳ hè

CCHV_1 : Cảnh cáo học vụ lần 1
CCHV_2 : Cảnh cáo học vụ lần 2
CCHV_3 : Cảnh cáo học vụ lần 3
CCHV_4 : Cảnh cáo học vụ lần 4

Ko_DKMH : Không đăng ký môn học
TAMDUNG : Sinh viên xin tạm dừng học
BT : Kết quả học tập bình thường

BTD : Buộc tạm dừng học
BTH : Buộc thôi học

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 12 tháng 03 năm 2012

NGƯỜI LẬP BẢNG

NGUYỄN THỊ MINH TRÚC

TRƯỞNG PHÒNG ĐÀO TẠO

THS. LÊ THỊ NGỌC PHƯỢNG

HIỆU TRƯỞNG

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN

GS. TS. ĐẶNG VĂN LƯỢNG